Số: 3085/QĐ-SGDĐT; 03/11/2026; 18:47:50; +07:00

SỞ GDĐT TỈNH QUẢNG NGÃI
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÒNG 2 (THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH)**
**KỲ TUYỂN GIÁO VIÊN TẠI HỘI ĐỒNG THI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025**
*(Kèm theo Quyết định số 3085/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Diện thu hút** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thanh Thanh Huyền | 26/11/2002 | Nữ | Kinh | 0947068235 | phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng anh | | | THPT Ba Tơ | x | Tiếng Anh | Nhất Tiếng anh 11, 12 |
| 2 | Nguyễn Thị Xuân Quỳnh | 02/05/2003 | Nữ | Kinh | 0961239477 | Bờ Y, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Phan Chu Trinh | x | Lịch sử | Ba Lịch sử 12 |
| 3 | Vương Thị Ánh Minh | 17/12/1995 | Nữ | Kinh | 0865734934 | Bình Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Chính trị | | CTB | THPT Bình Sơn | x | Giáo dục kinh tế và pháp luật | Ba Ngữ văn 12, KK Ngữ văn Quốc gia |
| 4 | Nguyễn Phương Bảo Vy | 20/07/2003 | Nữ | Kinh | 0905377271 | phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | x | Ngữ văn | Nhất Lịch sử 12, Ba Lịch sử |
| 5 | Trần Thị Hiền Minh | 14/06/1997 | Nữ | Kinh | 0971185194 | Xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Vật lí | | | TT GDNN-GDTX Mộ Đức (nay TT GDTX Quảng Ngãi) | x | Vật lí | Nhì Lịch sử 11 |
| 6 | Lê Đàm Uyên Nhi | 03/02/2002 | Nữ | Kinh | 0865508427 | Xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Tư Nghĩa | x | Ngữ văn | Nhì Ngữ văn 11 |
| **II** | **Diện theo Nghị định số 115/2020** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Như Sơn | 02/01/2003 | Nam | Kinh | 0859876860 | Xã Ba Tô, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 2 | Trần Thị Mỹ Linh | 10/09/1985 | Nữ | Kinh | 0964951525 | Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 3 | Đặng Thị Phương Thảo | 04/10/1998 | Nữ | Kinh | 0394494798 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Trần Quang Tiên | 13/08/1998 | Nam | Kinh | 0777062265 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 5 | Nguyễn Thị Hải Yến | 30/10/2003 | Nữ | Kinh | 0866934471 | Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 6 | Nguyễn Minh Tâm | 28/09/2003 | Nam | Kinh | 0876997171 | Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục chính trị | | | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | THPT Ba Tơ | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 7 | Trương Thị Hải Yến | 24/08/2000 | Nữ | Kinh | 0706180169 | Phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 8 | Đồng Minh Đoàn | 26/07/2002 | Nam | Kinh | 0394260137 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Tây Trà | THPT Phạm Kiệt | Lịch sử | |
| 9 | Nguyễn Thị Thì | 18/04/1997 | Nữ | Kinh | 0385774825 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 10 | Bùi Tấn Thoại | 08/09/1994 | Nam | Kinh | 0931953699 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Tây Trà | Âm nhạc | |
| 11 | Nguyễn Thị Khánh Chi | 14/01/1985 | Nữ | Kinh | 0859992176 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 12 | Đặng Thục Kiều Ngân | 20/11/1995 | Nữ | Kinh | 0326845920 | Xã Ya Ly, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục chính trị | | | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | x | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 13 | Lê Quỳnh Trúc Nguyệt | 14/11/2002 | Nữ | Kinh | 0838574779 | Đăk Môn, Quảng Ngãi | Cử nhân | Luật kinh tế | Chứng chỉ NVSP | | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | THPT Ba Tơ | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 14 | Võ Lê Kiều Chinh | 09/10/2002 | Nữ | Kinh | 0777467606 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 15 | Nguyễn Thị Bích Vân | 09/01/2003 | Nữ | Kinh | 039251320 | Phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Sinh học | | | THPT Quang Trung | THPT Đinh Tiên Hoàng | Sinh học | |
| 16 | Nguyễn Thái Phong | 11/09/2002 | Nam | Kinh | 0774906845 | xã Phú Hòa 1, Đăk Lăk | Cử nhân | Sư phạm âm nhạc | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 17 | Nguyễn Thị Kiều Trang | 10/03/2002 | Nữ | Kinh | 0775474989 | Duy Nghĩa, Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 18 | Nguyễn Thị Diệu Hương | 29/09/2002 | Nữ | Kinh | 0339341140 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Lê Trung Đình | THCS và THPT Phó Mục Gia | Lịch sử | |
| 19 | Trần Văn Hiếu | 23/04/1994 | Nam | Kinh | 0967562691 | Ia Tơi, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Nguyễn Huệ | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | Lịch sử | |
| 20 | Hồ Tuyết Nhung | 05/11/2001 | Nữ | Kinh | 086923752 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Sơn Hà | Toán học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Bùi Minh Hải | 27/12/2001 | Nữ | Kinh | 0359174269 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 22 | Võ Đức Hòa | 01/05/2003 | Nam | Kinh | 0348884582 | Lân Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | x | Toán học | |
| 23 | Nguyễn Đăng Trung | 20/09/2002 | Nam | Kinh | 0854174012 | Phường Phú Lợi, Cần Thơ | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 24 | Nguyễn Quốc Lanh | 03/11/1993 | Nam | Kinh | 0869996341 | Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 25 | Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh | 30/07/2003 | Nữ | Kinh | 0859196302 | xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 26 | Hồ Ánh Nguyệt | 21/09/2002 | Nữ | Kinh | 0374259177 | Xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Văn học | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 27 | Đỗ Thị Minh Trang | 10/09/1994 | Nữ | Kinh | 0354063626 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 28 | Nguyễn Thị Thanh Phúc | 12/04/1994 | Nữ | Kinh | 0986827371 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THPT Minh Long | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 29 | Phan Băng Tuyết Trâm | 20/12/1996 | Nữ | Kinh | 0323821058 | Phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân; Thạc sĩ | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 30 | Phạm Thị Lệ Tiên | 26/10/2002 | Nữ | Hre | 0363785426 | Xã Ba Dinh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 31 | Lương Quang Chiến | 10/04/1993 | Nam | Kinh | 0961401579 | Trà Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | CTB | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 32 | Nguyễn Thị Thanh Tiền | 30/03/2002 | Nữ | Kinh | 0355120632 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 33 | Trần Thị Ngọc Đạt | 27/06/2003 | Nữ | Kinh | 0379389203 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | PTDTNT THPT Đăk Glei | Tiếng Anh | |
| 34 | Trần Thị Ngọc Thu | 27/06/2003 | Nữ | Kinh | 0327469041 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 35 | Nguyễn Việt Hà | 01/01/2003 | Nữ | Kinh | 0838122002 | Xã Đăk Tô, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | x | Tiếng Anh | |
| 36 | Đào Thị Kim Quyên | 16/10/1997 | Nữ | Kinh | 0377396129 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 37 | Trần Thị Bích Thủy | 10/08/1991 | Nữ | Kinh | 0375597924 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | Lê Thị Bé Vi | 04/02/1992 | Nữ | Kinh | 0702777496 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 39 | Nguyễn Thị Nguyên | 09/05/2003 | Nữ | Kinh | 0326091336 | phường Quy Nhơn, Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Nguyễn Trãi | THPT Trần Phú | Ngữ văn | |
| 40 | Trần Thị Nhung | 22/09/1984 | Nữ | Kinh | 0383408478 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | PTDTNT THPT Măng Đen | Toán học | |
| 41 | Trần Quang Thiện | 25/08/1993 | Nam | Kinh | 0357568905 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 42 | Lý Thị Kim Thư | 31/12/1997 | Nữ | Kinh | 0971424397 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 43 | Lê Hạnh Duyên | 22/12/1995 | Nữ | Kinh | 0962787918 | phường Hòa Khánh, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 44 | Phạm Thị Nhung | 18/02/2003 | Nữ | Hre | 0365392461 | Xã Ba Dinh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục công dân | | DTTS | THPT Ba Tơ | THPT Lương Thế Vinh (nay THPT số 1 Đức Phổ) | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 45 | Phạm Lê Khánh Ly | 27/8/2000 | Nữ | Kinh | 0837117046 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 46 | Nguyễn Thị Phượng | 15/05/1995 | Nữ | Kinh | 0968602030 | Xã Đăk Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | PTDTNT THPT Măng Đen | Hóa học | |
| 47 | Nguyễn Nữ Huyền My | 15/08/2002 | Nữ | Kinh | 0352361207 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 48 | Nguyễn Thị Lan | 24/08/1997 | Nữ | Kinh | 0329921649 | phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 49 | Đinh Thị Bích Lang | 06/06/2002 | Nữ | Hre | 0354084521 | Sơn Kỳ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | DTTS | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 50 | Lê Văn Thân | 02/09/2002 | Nam | Kinh | 0386854301 | TP Huế | Cử nhân | Sư phạm Địa lí | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Địa lí | |
| 51 | Nguyễn Thị Hà Vy | 02/04/1990 | Nữ | Kinh | 0979535982 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 52 | Trần Thị Ly | 12/06/1995 | Nữ | Kinh | 0984973153 | Long Phụng, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Tây Trà | Lịch sử | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 53 | Đặng Như Khang | 10/08/2003 | Nữ | Kinh | 0382317198 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 54 | Võ Tú Nam | 12/01/1998 | Nam | Kinh | 0327931043 | Thăng Điền, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | HTNVQS | THPT Ba Tơ | x | Toán học | |
| 55 | Trần Nguyễn Nhật Tân | 04/02/1999 | Nam | Kinh | 0977234806 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân, Thạc sĩ | Giáo dục thể chất; Giáo dục học | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 56 | Lê Viết Nghĩa | 27/12/1984 | Nam | Kinh | 0905219737 | xã Đại Lộc, Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 57 | Lê Thị Nhung | 17/04/2003 | Nữ | Kinh | 0932312093 | phường Vũng Án, Hà Tĩnh | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 58 | Lâm Thị Thu Hiếu | 10/08/1989 | Nữ | Kinh | 0328963343 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 59 | Nguyễn Võ Tấn Anh | 17/01/2003 | Nam | Kinh | 0931950239 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 60 | Phan Thị Diệu | 02/10/1998 | Nữ | Kinh | 0395254040 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Tiếng anh | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 61 | Dương Hoài Ngọc Châu | 08/03/2003 | Nữ | Kinh | 0582080650 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Phạm Kiệt | THCS và THPT Vạn Tường | Lịch sử | |
| 62 | Nguyễn Thị Mỹ Hoài | 10/10/2003 | Nữ | Kinh | 0912340544 | Sơn Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng anh | | | THPT Sơn Hà | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 63 | Nguyễn Thiên Phước | 25/02/1991 | Nam | Kinh | 0343121858 | xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | HTNVQS | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 64 | Nguyễn Thị Hương | 11/10/1994 | Nữ | Kinh | 0372277145 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 65 | Cao Thị Noa | 11/07/1991 | Nữ | Kinh | 0978719062 | Mỏ Cày, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số Đức Phổ | Ngữ văn | |
| 66 | Phan Thị Thanh Phương | 17/01/1992 | Nữ | Kinh | 0976300337 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 67 | Tạ Công An | 14/06/1998 | Nam | Kinh | 0865092575 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | x | Âm nhạc | |
| 68 | Thới Trần Quỳnh Trâm | 10/01/1998 | Nữ | Kinh | 0789414137 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 69 | Đặng Thị Thanh Trà | 11/12/2002 | Nữ | Kinh | 0357036208 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | Lê Thị Cẩm Hà | 06/04/2003 | Nữ | Kinh | 0356870359 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Nguyễn Trãi | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 71 | Ngô Thị Ý Quỳnh | 22/08/1998 | Nữ | Kinh | 0984369547 | xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 72 | Nguyễn Thị Kim Sa | 10/07/1998 | Nữ | Kinh | 0374475588 | xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 73 | Lê Thị Kim Nhung | 08/02/2003 | Nữ | Kinh | 0967195306 | Phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | x | Ngữ văn | |
| 74 | Trần Quốc Đạt | 16/11/2002 | Nam | Kinh | 0793989535 | Cẩm Lệ, Đà Nẵng | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Sơn Hà | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 75 | Nguyễn Hồng Linh | 23/02/1992 | Nam | Ca dong | 0988024743 | Trà Tân, Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | DTTS | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Tây Trà | Lịch sử | |
| 76 | Nguyễn Thị Hồng Huyên | 28/10/2001 | Nữ | Kinh | 0988051915 | Mỏ Cày, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 77 | Nguyễn Thị Tường Vi | 26/02/1985 | Nữ | Kinh | 0932585279 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân; Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 78 | Nguyễn Thị Hồng Sương | 19/08/1998 | Nữ | Kinh | 0392661238 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân; Thạc sĩ | Sư phạm Hóa học | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 79 | Lê Thị Minh Thoa | 03/02/2003 | Nữ | Kinh | 0981700324 | Hoài Nhơn, Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 80 | Trương Thị Thủy Tiên | 04/04/2003 | Nữ | Kinh | 0367126041 | Hoài Nhơn, Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | x | Ngữ văn | |
| 81 | Nguyễn Ngọc Lộc | 26/05/1996 | Nam | Kinh | 0365801007 | xã Tam Mỹ, Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Địa lí | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Địa lí | |
| 82 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt | 12/08/1996 | Nữ | Kinh | 0986763953 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Sinh học | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Quang Trung | Sinh học | |
| 83 | Đồng Xuân Ý | 11/02/1991 | Nam | Kinh | 0352742509 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục thể chất | | | PTDTNT THPT Đăk Glei | THPT chuyên Nguyễn tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 84 | Diệp Thị Thúy Anh | 15/12/1990 | Nữ | Kinh | 0366546558 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân | Văn học | Chứng chỉ NVSP | | THPT Trần Phú | x | Ngữ văn | |
| 85 | Lê Huỳnh Cùng | 27/04/1996 | Nam | Kinh | 0965075197 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 86 | Trương Thị Cẩm Duyên | 03/02/1991 | Nữ | Kinh | 0365880123 | Phước Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Tiếng Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 87 | Đỗ Thị Tú Uyên | 21/06/1982 | Nữ | Kinh | 098914009 | Ngọk Bay, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Phan Đình Phùng | THPT Nguyễn Huệ | Lịch sử | |
| 88 | Nguyễn Văn Hậu | 30/09/1985 | Nam | Kinh | 0975645478 | phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai | Cử nhân | Lịch sử | Chứng chỉ NVSP | | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | THPT Nguyễn Văn Cừ | Lịch sử | |
| 89 | Võ Thanh Trà | 15/01/2002 | Nữ | Kinh | 0708188559 | xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 90 | Trần Tôn Bội Hân | 27/03/2003 | Nữ | Kinh | 0896212147 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Sơn Hà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 91 | Trần Tôn Thục Đoan | 16/10/2002 | Nữ | Kinh | 0375456869 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân | Sư phạm Tiếng anh | | | THPT Quang Trung | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 92 | Võ Thị Thu Hoanh | 27/01/1994 | Nữ | Kinh | 0979418802 | Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tiếng anh | | | THPT Sơn Hà | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 93 | Trần Nguyên Tú Anh | 20/12/1996 | Nữ | Kinh | 0965260784 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 94 | Đặng Phương Thảo | 04/09/2002 | Nữ | Kinh | 0384777258 | xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 95 | Trần Phương Huy | 09/03/1998 | Nam | Kinh | 0867090398 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | Con bệnh binh 2/3 | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 96 | Nguyễn Trần Thu Phương | 26/11/2001 | Nữ | Kinh | 0945488921 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân; Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 97 | Võ Thị Kim Thoa | 10/10/1994 | Nữ | Kinh | 0979250540 | Đăk Bla, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | PTDTNT THPT Măng Đen | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | Hóa học | |
| 98 | Đinh Thị Ức | 05/02/2003 | Nữ | Hre | 0868698730 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân sư phạm | GDCT | | DTTS | THPT Ba Tơ | THPT Trà Bồng | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 99 | Hồ Văn Thoảng | 10/09/1995 | Nam | Ca dong | 0962761164 | | Cử nhân sư phạm | GDCT | | DTTS | THPT Trà Bồng | THPT Quang Trung | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 100 | Nguyễn Ngọc Ngà | 26/12/2003 | Nam | Kinh | 0364839360 | Mỏ Cày, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDCD | | | THCS và THPT Vạn Tường | THPT Trà Bồng | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 101 | Phan Thành Nghĩa | 10/8/1993 | Nam | Kinh | 0915016849 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Cử nhân | Luật Kinh tế | Chứng chỉ NVSP | | THPT Lương Thế Vinh (nay THPT số 1 Đức Phổ) | TT GDNN-GDTX khu vực Đức Phổ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 102 | Trần Thị Thu Uyên | 03/03/2003 | Nữ | Kinh | 0946129088 | Nguyễn Nghiêm, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDCT | | | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | THPT Lương Thế Vinh (nay THPT số 1 Đức Phổ) | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 103 | Võ Thị Thúy Trúc | 07/01/1992 | Nữ | Kinh | 0903657325 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDCT | | Con TB | THPT Trần Quốc Tuấn | THPT Quang Trung | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 104 | Đặng Văn Khoa | 14/02/1994 | Nam | Kinh | 0974950647 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | SPKT Nông nghiệp | | | TT GDNN-GDTX Đăk Glei (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ngọc Hồi-Đăk Glei) | x | Công nghệ (nông) | |
| 105 | Phạm Thi Miên | 20/5/1998 | Nữ | Hre | 0355173308 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Địa lý | | DTTS | THPT Phạm Kiệt | x | Địa lí | |
| 106 | Phạm Thị Vân Anh | 30/12/1997 | Nữ | Mường | 0364611386 | Đăk Môn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Địa lý | | DTTS | TT GDNN-GDTX Kon Plông (nay TT GDNN-GDTX khu vực Kon Plông) | THPT Trà Bồng | Địa lí | |
| 107 | Đặng Phương Châu | 11/5/2001 | Nữ | Kinh | 0383628465 | Sơn Hạ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 108 | Đặng Thị Thu Ly | 28/06/1992 | Nữ | Kinh | 0972413241 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 109 | Lê Thành Đạt | 11/12/2002 | Nam | Kinh | 0389476287 | Kon Braih, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 110 | Lê Trần Diệu My | 08/10/2003 | Nữ | Kinh | 0888047116 | Thiện Tín, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | PTDTNT THPT Măng Đen | Hóa học | |
| 111 | Nguyễn Thị Phương Nhung | 25/03/1991 | Nữ | Kinh | 0329928330 | Nam Trà My, Đà Nẵng | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 112 | Nguyễn Trần Gia Bảo | 03/08/1998 | Nam | Kinh | 0367823133 | Đăk Rơ Wa, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | PTDTNT THPT Măng Đen | Hóa học | |
| 113 | Phạm Thị Hồng | 24/03/1996 | Nữ | Kinh | 0352344926 | Phú Thiện, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | x | Hóa học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 114 | Phạm Thị Kim Thịnh | 19/02/1997 | Nữ | Kinh | 0338890122 | 37 Huỳnh Thúc Kháng, P. Kon Tum | Cử nhân sư phạm | Sinh học | | | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | x | Sinh học | |
| 115 | Võ Thị Hoàng Ni | 02/10/1995 | Nữ | Kinh | 0376180681 | Tây Trà, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Hóa học | | | THPT Tây Trà | x | Hóa học | |
| 116 | Nguyễn Hồ Tiên | 29/01/1994 | Nữ | Kinh | 0963234694 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Mỹ thuật | | | PTDTNT THPT tỉnh | x | Mỹ thuật | |
| 117 | Huỳnh Tấn Yên | 02/08/1996 | Nam | Kinh | 0393884726 | Tam Quan, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THPT Tây Trà | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 118 | Lê Anh Pháp | 20/03/1993 | Nam | Kinh | 0973299976 | Phước Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 119 | Lê Thị Mỹ Lệ | 20/02/1996 | Nữ | Kinh | 0961487695 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Tây Trà | Âm nhạc | |
| 120 | Lê Văn Thuận | 14/11/1999 | Nam | Kinh | 0335991967 | Mộ Đức, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 121 | Nguyễn Minh Thảo Nguyên | 06/3/1994 | Nữ | Kinh | 0945788249 | Xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 122 | Nguyễn Thị Lệ Quyên | 22/8/1994 | Nữ | Kinh | 0393790022 | Xã Chiên Đàn, Tp. Đà Nẵng | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | x | Âm nhạc | |
| 123 | Phạm Thị Thuyền | 21/9/2000 | Nữ | Kinh | 0354313792 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 124 | Phạm Văn Tường | 04/01/1994 | Nam | Kinh | 0914700631 | Tam Quan, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 125 | Quách Văn Chung | 27/01/1991 | Nam | Mường | 0919299391 | Xã Cà Đam, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | DTTS | THPT Tây Trà | THCS-THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 126 | Võ Thị Thùy Linh | 06/8/2000 | Nữ | Kinh | 0359359165 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Âm nhạc | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 127 | Đỗ Quang Vũ | 21/08/1989 | Nam | Kinh | 0388777748 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC-GDQP | | | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | THPT Phan Bội Châu (nay THPT Lê Lợi) | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 128 | Dương Thế Hùng | 30/9/2000 | Nam | Kinh | 0335172850 | Đặc khu Lý Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | QP-AN | | | THPT Lê Trung Đình | THPT Sơn Hà | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 129 | Nguyễn Đăng Huân | 19/11/2003 | Nam | Kinh | 0862623077 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDQPAN | | | THPT Lê Trung Đình | THPT Sơn Hà | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 130 | Nguyễn Huỳnh Trường Nam | 11/12/1987 | Nam | Kinh | 0989266500 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC-QP | | Sĩ quan dự bị | THPT Sơn Hà | THPT Lê Trung Đình | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 131 | Nguyễn Thành Tuấn | 25/10/2000 | Nam | Ca dong | 0966219806 | Việt An, Tp. Đà Nẵng | Cử nhân sư phạm | GDQPAN | | DTTS | THPT Lê Trung Đình | THPT Sơn Hà | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 132 | Hà Thu Hằng | 10/09/2003 | Nữ | Tày | 0966327845 | Phước Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử - Địa lý | | DTTS | THPT Phan Đình Phùng | THPT Nguyễn Huệ | Lịch sử | |
| 133 | Lê Thị Hương | 20/10/1991 | Nữ | Kinh | 0888693169 | Xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Lịch sử | Chứng chỉ NVSP | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Phạm Kiệt | Lịch sử | |
| 134 | Mai Thị Toan | 03/06/1990 | Nữ | Kinh | 0975729841 | Ngọk Bay, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | x | Lịch sử | |
| 135 | Nguyễn Thị Lan | 07/7/1995 | Nữ | Kinh | 058768974 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | | THCS và THPT Vạn Tường | THPT số 2 Đức Phổ | Lịch sử | |
| 136 | Nguyễn Văn Hoàng | 14/02/1996 | Nam | Kinh | 0969170563 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | Sĩ quan dự bị | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Lịch sử | |
| 137 | Phạm Thanh Hùng | 17/01/1997 | Nam | Hre | 0972019460 | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | DTTS, Sĩ quan dự bị | THPT Phạm Kiệt | THCS và THPT Phạm Kiệt | Lịch sử | |
| 138 | Phan Thị Thông | 18/07/1994 | Nữ | Kinh | 0987248273 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | | THCS và THPT Vạn Tường | THPT Lê Trung Đình | Lịch sử | |
| 139 | Trần Thị Thùy | 02/05/1994 | Nữ | Kinh | 0888627109 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THCS và THPT Phạm Kiệt | Lịch sử | |
| 140 | Ưng Thị Tiên | 08/4/1993 | Nữ | Kinh | 0373806386 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | | THCS và THPT Vạn Tường | THPT Lê Trung Đình | Lịch sử | |
| 141 | Y Xiên | 15/8/2003 | Nữ | Gia Rai | 0866757251 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Lịch sử | | DTTS | THPT Nguyễn Huệ | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | Lịch sử | |
| 142 | Bùi Nguyễn Anh Thư | 09/01/2001 | Nữ | Kinh | 0988998952 | Trà Bồng, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 143 | Bùi Sơn Diệu Hiền | 22/12/2003 | Nữ | Kinh | 0945308452 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 144 | Bùi Thị Kiều Hoanh | 12/02/1994 | Nữ | Kinh | 0337028182 | Long Phụng, Quảng Ngãi | Cử nhân | Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Trà Bồng | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 145 | Bùi Thị Kim Lư | 05/03/2002 | Nữ | Kinh | 0394119609 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 146 | Bùi Thị Kim Pha | 26/012001 | Nữ | Kinh | 0346164539 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 147 | Bùi Thị Thu Thi | 28/3/2002 | Nữ | Kinh | 0363425699 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 148 | Đàm Lê Ngọc Linh | 08/02/2003 | Nữ | Kinh | 0944746705 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 149 | Đặng Dương Phương Trinh | 01/11/1994 | Nữ | Kinh | 0392903925 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 150 | Đào Thị Mỹ Tiên | 12/7/2003 | Nữ | Kinh | 0389443376 | Tam Quan, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 151 | Đinh Sang Hữu | 28/12/2003 | Nam | Hre | 0968786476 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | DTTS | THPT Quang Trung | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 152 | Đinh Thị Kiều Nhung | 25/5/2003 | Nữ | Hre | 0362404212 | Sơn Kỳ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | DTTS | THPT Quang Trung | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 153 | Đinh Thị Giang | 30/12/2002 | Nữ | Hre | 0373946081 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | DTTS | THPT Minh Long | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 154 | Đinh Thị Thế Mỹ | 25/01/1997 | Nữ | Kinh | 0979010596 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 155 | Đỗ Ngọc Minh Hà | 20/02/1992 | Nữ | Kinh | 0931925718 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Đại học | Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 156 | Hồ Phạm Mỹ Diệu | 11/02/2002 | Nữ | Kinh | 0905362434 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 157 | Dương Quỳnh Thu Tâm | 29/11/2003 | Nữ | Kinh | 0971314726 | Sơn Hạ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 158 | Lê Thanh Thúy Quỳnh | 16/06/2001 | Nữ | Kinh | 0916043358 | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Minh Long | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 159 | Lê Thị Nhi | 25/01/1995 | Nữ | Kinh | 0335349883 | Đăk Cấm, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 160 | Lê Thị Thu Hiền | 03/10/1998 | Nữ | Kinh | 0984961149 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 161 | Lương Thị Mỹ Vân | 15/5/1998 | Nữ | Kinh | 0964697019 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Sơn Hà | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 162 | Mai Hồng Nữ | 12/02/2001 | Nữ | Kinh | 03889660743 | Sơn Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 163 | Nguyễn Hà Giang | 20/04/2003 | Nữ | Kinh | 0934669132 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 164 | Nguyễn Hồ Thiên Lý | 08/9/2001 | Nữ | Kinh | 0374271272 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân | Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Phạm Kiệt | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 165 | Nguyễn Hồng Diễm Quỳnh | 16/06/2003 | Nữ | Kinh | 0974352134 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 166 | Nguyễn Khắc Tường Vy | 01/8/1999 | Nữ | Kinh | 0976743690 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 167 | Nguyễn Ngọc Đài Trang | 15/03/1990 | Nữ | Kinh | 0366967567 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 168 | Nguyễn Thị Diễm Quyên | 22/05/2002 | Nữ | Kinh | 0389978552 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 169 | Nguyễn Thị Hoàng Châu | 22/7/2003 | Nữ | Kinh | 0775583892 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 170 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 18/01/2000 | Nữ | Kinh | 0344918932 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân | Anh | Chứng chỉ NVSP | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 171 | Nguyễn Thị Kim Hằng | 14/9/1993 | Nữ | Kinh | 0968400125 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 172 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 05/6/1996 | Nữ | Kinh | 0367857940 | Phước Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 173 | Nguyễn Thị Thu Nhi | 19/04/2003 | Nữ | Kinh | 0326639843 | Đăk Cấm, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 174 | Nguyễn Thị Thu Trang | 20/9/1996 | Nữ | Kinh | 0388001376 | Sa Huỳnh, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 175 | Nguyễn Thị Thúy Nga | 16/8/1997 | Nữ | Kinh | 0961162297 | Đông Trà Bồng, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 176 | Nguyễn Thị Vương | 30/10/1994 | Nữ | Kinh | 0345128341 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 177 | Nguyễn Tú Uyên | 17/05/2003 | Nữ | Kinh | 0362161267 | Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 178 | Nguyễn Tường Viên | 19/8/2001 | Nữ | Kinh | 0961548571 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 179 | Phạm Thị Thùy Trinh | 09/01/1999 | Nữ | Kinh | 0345519581 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Đinh Tiên Hoàng | Tiếng Anh | |
| 180 | Phan Lê Thu Huyền | 09/12/2003 | Nữ | Kinh | 0932585018 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 181 | Thới Thị Hoa | 14/08/1995 | Nữ | Kinh | 0978950172 | Xã Ba Động, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 182 | Trần Thị Lan Anh | 11/4/1997 | Nữ | Kinh | 0368283082 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | x | Tiếng Anh | |
| 183 | Trần Thị Lệ Thảo | 02/09/1997 | Nữ | Kinh | 0378282059 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Phạm Kiệt | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 184 | Trần Vũ Bảo Duyên | 22/9/2003 | Nữ | Kinh | 0708327696 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 185 | Trang Kim Trung | 17/06/2003 | Nam | Kinh | 0975774149 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 186 | Võ Thị Phương Thơ | 06/12/2003 | Nữ | Kinh | 0947831249 | | Cử nhân sư phạm | Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 187 | Y Liệu | 15/03/2001 | Nữ | Xơ đăng | 0367425290 | Xã Ba Động, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Anh | Chứng chỉ NVSP | DTTS | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | PTDTNT THPT Đăk Glei | Tiếng Anh | |
| 188 | Bùi Hoàng Thị Ngọc Lan | 08/08/1989 | Nữ | Kinh | 0375630427 | Trà Câu, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | Con TB | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 189 | Bùi Thị Minh Xuân | 28/3/2000 | Nữ | Kinh | 0352452799 | Đăk Tô, Quảng Ngãi | Cử nhân | HLTT | Chứng chỉ NVSP | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 190 | Cao Đức Lê | 10/10/1989 | Nam | Kinh | 0972961847 | | Cử nhân | QL TDTT | Chứng chỉ NVSP | | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | x | Giáo dục thể chất | |
| 191 | Hiên Xí | 15/11/1991 | Nam | Ve | 0378042257 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | DTTS | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 192 | Lê Quốc Cường | 22/11/1998 | Nam | Kinh | 0779440479 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | Con TB | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 193 | Lê Trương Khuyên Bảo | 26/02/2003 | Nữ | Kinh | 0384927802 | Xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 194 | Lương Duy Tấn | 22/05/1995 | Nam | Kinh | 0962675185 | Sơn Mai, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 195 | Nguyễn Trương Anh Quý | 20/6/1997 | Nam | Kinh | 0356230459 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 196 | Phạm Trần Huy | 19/9/1995 | Nam | Kinh | 03664663549 | Trà Bồng, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 197 | Phạm Văn Phúc | 04/02/2003 | Nam | Hre | 0326014885 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | DTTS | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 198 | Phan Tín Kế | 09/7/1998 | Nam | Kinh | 0975024161 | Sơn Linh, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 199 | Sla Ven Vũ Ánh | 08/02/2001 | Nam | Xà rá | 0985144953 | 14 Trương Quang Giao, Ba Tơ | Cử nhân sư phạm | GDTC | | DTTS | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 200 | Trần Huy Lực | 26/01/1992 | Nam | Kinh | 0944333376 | Hòa Hiệp, Đăk Lăk | Cử nhân sư phạm | GDTC | | Con TB | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 201 | Trần Văn Triều | 01/11/1996 | Nam | Kinh | 0963998972 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 202 | Vương Thành Thái | 27/8/2001 | Nam | Kinh | 0338600519 | Trà Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | GDTC | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 203 | Bùi Hoàng Anh | 26/5/1990 | Nam | Kinh | 0919004989 | Phú Ninh, Tp. Đà Nẵng | Cử nhân | CNTT | Chứng chỉ NVSP | | THCS và THPT Phạm Kiệt | x | Tin học | |
| 204 | Hà Thị Ngọc Trâm | 14/11/1999 | Nữ | Kinh | 0914782602 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Tin học | | | THPT Trà Bồng | THPT Sơn Hà | Tin học | |
| 205 | Nguyễn Hoàng Chương | 05/01/2000 | Nam | Kinh | 0328298367 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Kỹ sư | CNTT | Chứng chỉ NVSP | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Sơn Hà | Tin học | |
| 206 | Nguyễn Phương Thảo | 05/01/2003 | Nữ | Kinh | 0949850126 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân sư phạm | Tin học | | | THPT Trà Bồng | THPT Sơn Hà | Tin học | |
| 207 | Ao Công Hậu | 25/01/1999 | Nam | Kinh | 0966714904 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Sơn Hà | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 208 | Ao Thị Diễm Quỳnh | 02/06/2001 | Nữ | Kinh | 0394946819 | Xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | PTDTNT THPT Ia Tơi | Toán học | |
| 209 | Bùi Thị Thanh Hiền | 19/8/1999 | Nữ | Kinh | 0973281022 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 210 | Cao Vũ Trường | 29/12/2001 | Nam | Kinh | 0335894405 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Sơn Hà | Toán học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 211 | Đặng Hồng Cẩn | 05/10/1996 | Nam | Kinh | 0326526432 | Sơn Mai, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 212 | Lâm Huy Phông | 07/4/1999 | Nam | Kinh | 0931973853 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 213 | Lê Đoàn Phương Trâm | 09/7/1997 | Nữ | Kinh | 0901120771 | Đăk Pring, Tp Đà Nẵng | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | THCS và THPT Phó Mục Gia | Toán học | |
| 214 | Lê Thị Thu Trúc | 16/01/2002 | Nữ | Kinh | 0383546543 | Sơn Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 215 | Lê Viết Quý | 20/11/1993 | Nam | Kinh | 0867680001 | | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Toán học | |
| 216 | Nguyễn Ngọc Huy | 20/03/2003 | Nam | Kinh | 0936638267 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 217 | Nguyễn Thị Bình Minh | 10/06/2003 | Nữ | Kinh | 0398076127 | Sa Huỳnh, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Măng Đen | Toán học | |
| 218 | Nguyễn Thị Minh Thuyên | 05/11/2002 | Nữ | Kinh | 0945607096 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | x | Toán học | |
| 219 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 08/01/2003 | Nữ | Kinh | 0766690891 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 220 | Phạm Bảo Long | 27/01/1994 | Nam | Kinh | 0962828526 | Long Phụng, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | x | Toán học | |
| 221 | Phạm Thị Thu Hà | 11/05/2002 | Nữ | Kinh | 0326626496 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | PTDTNT THPT Măng Đen | PTDTNT THPT Ia Tơi | Toán học | |
| 222 | Trần Lê Thanh Vân | 02/10/2003 | Nam | Kinh | 0844682836 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Phạm Kiệt | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 223 | Trương Thị Thúy Phượng | 20/4/2003 | Nữ | Kinh | 0385585460 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | THCS và THPT Phó Mục Gia | Toán học | |
| 224 | Võ Thị Hoàng Nhật | 03/07/2001 | Nữ | Kinh | 0387576088 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Toán học | | | THPT Ba Tơ | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Toán học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 225 | Võ Thị Thùy | 16/6/1988 | Nữ | Kinh | 0963684579 | Đặc khu Lý Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân | Toán học | Chứng chỉ NVSP | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 226 | Bùi Thị Bé Thi | 26/06/1996 | Nữ | Kinh | 0396684401 | Xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Văn | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Ngữ văn | |
| 227 | Đặng Thị Ngọc Quỳnh | 20/8/1996 | Nữ | Kinh | 0338037419 | Đăk Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 228 | Đinh Công Á | 09/09/1989 | Nam | Kinh | 0934781907 | | Cử nhân | Ngữ văn | Chứng chỉ NVSP | | THPT Nguyễn Trãi | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 229 | Đinh Phạm K-Ry-A | 28/12/2003 | Nữ | Hre | 0842213457 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 230 | Đinh Thị Trà My | 09/10/2002 | Nữ | Hre | 03471229458 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 231 | Dương Thị Hoa | 04/7/1991 | Nữ | Kinh | 0946223648 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngữ văn | Chứng chỉ NVSP | | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 232 | Hồ Thị A Ly | 28/6/1992 | Nữ | Co | 0368903982 | Nguyễn Nghiêm, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 233 | Huỳnh Thị Mỹ Chung | 22/02/1995 | Nữ | Kinh | 0345540468 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 234 | Lê Thị Cẩm Vi | 02/06/1994 | Nữ | Kinh | 0338283902 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Đức Phổ | Ngữ văn | |
| 235 | Lê Thị Linh Đa | 14/10/1995 | Nữ | Kinh | 0765687568 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 236 | Lê Thị Thanh Diễn | 13/03/1991 | Nữ | Kinh | 0367057184 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Văn | Chứng chỉ NVSP | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 237 | Lộ Thị Nhị | 15/01/1994 | Nữ | Kinh | 0982530430 | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 238 | Ngô Thị Hồng Quyên | 06/03/1996 | Nữ | Kinh | 0385524754 | Trà Câu, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 239 | Nguyễn Phương Bảo Vy | 20/07/2003 | Nữ | Kinh | 0905377271 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | x | Ngữ văn | |
| 240 | Nguyễn Thị Bé Minh Chi | 01/12/1997 | Nữ | Kinh | 0774443086 | Duy Xuyên, Đà Nẵng | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 241 | Nguyễn Thị Kim Yến | 26/01/1997 | Nữ | Kinh | 0392442335 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 242 | Nguyễn Thị Minh Thư | 14/02/2003 | Nữ | Kinh | 0364254700 | Sơn Kỳ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 243 | Nguyễn Thị Mỹ Dung | 20/9/1995 | Nữ | Kinh | 0969514012 | Trà Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | x | Ngữ văn | |
| 244 | Nguyễn Thị Phi Sương | 01/05/2002 | Nữ | Kinh | 0327101195 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 245 | Nguyễn Thị Phụng | 07/09/1995 | Nữ | Kinh | 0963874387 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | x | Ngữ văn | |
| 246 | Nguyễn Thị Thúy Hạnh | 11/11/2003 | Nữ | Kinh | 0332068167 | | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT Nguyễn Trãi | Ngữ văn | |
| 247 | Nguyễn Thùy Linh | 09/10/1999 | Nữ | Kinh | 0867936024 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 248 | Phạm Ngọc Khoa | 14/01/1994 | Nam | Kinh | 0334302497 | Phường Trương Quang Trọng | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 249 | Phạm Thị Oanh | 29/10/1989 | Nữ | Kinh | 0981615574 | Đăk Cấm, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 250 | Phạm Thị Su | 14/05/2003 | Nữ | Hre | 0394849665 | Xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | Ngữ văn | |
| 251 | Phạm Thị Yến Nhi | 07/03/1991 | Nữ | Kinh | 0974972744 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | Con TB | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 252 | Phan Gia Long | 10/02/2001 | Nam | Kinh | 0928999089 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 253 | Phan Thị Trinh | 01/01/1994 | Nữ | Kinh | 0975757405 | Pleiku, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | x | Ngữ văn | |
| 254 | Phạm Văn | 01/06/1992 | Nam | Hre | 0949084352 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 255 | Trần Đỗ Xuân Huyền | 02/02/2003 | Nữ | Kinh | 0702674332 | Lân Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 256 | Trần Thị Kim Hiếu | 25/08/2003 | Nữ | Kinh | 0774107702 | | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 257 | Trần Thị Kim Oanh | 12/02/1994 | Nữ | Kinh | 0982342145 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Nguyễn Trãi | x | Ngữ văn | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 258 | Trần Thị Minh Thùy | 19/11/1997 | Nữ | Kinh | 0975964534 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 259 | Trần Thị Mỹ Hạnh | 02/04/1991 | Nữ | Kinh | 0349795077 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | x | Ngữ văn | |
| 260 | Trương Ngọc Sương | 08/03/1997 | Nữ | Kinh | 0374955730 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 261 | Vi Thị Hương | 28/01/2002 | Nữ | Nùng | 0397303658 | Lơ Pang, Gia Lai | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT Nguyễn Trãi | THPT Trần Phú | Ngữ văn | |
| 262 | Võ Công Anh Tuấn | 18/04/2002 | Nam | Kinh | 0979284131 | | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 263 | Võ Thị Ngọc Giàu | 12/11/1995 | Nữ | Kinh | 0376520068 | | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 264 | Võ Thị Thu Trinh | 08/04/1992 | Nữ | Kinh | 0941709339 | Xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngữ văn | Chứng chỉ NVSP | | THPT Nguyễn Trãi | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 265 | Y Ram | 23/02/2003 | Nữ | Giẻ Triêng | 0378574463 | Đức Phổ, Quảng Ngãi | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | PTDTNT THPT Ia Tơi | THPT Trần Phú | Ngữ văn | |
| 266 | Y Thiên Hòa | 25/07/2003 | Nữ | Dẻ | 0332523541 | | Cử nhân sư phạm | Ngữ văn | | DTTS | THPT Trần Phú | THPT Nguyễn Trãi | Ngữ văn | |
| 267 | Võ Anh Dũng | 07/04/2003 | Nam | Kinh | 0334241224 | Xã Đông Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tin học | | | THPT Trà Bồng | THPT Sơn Hà | Tin học | |
| 268 | Nguyễn Chí Quảng | 03/10/1996 | Nam | Kinh | 0356711418 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục QPAN | | | THPT Lê Trung Đình | THPT Sơn Hà | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 269 | Tăng Thị Thành | 20/08/1999 | Nữ | Kinh | 0338018173 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 270 | Trần Khả Ny | 06/11/2003 | Nữ | Kinh | 0913305016 | Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán | | | THPT Sơn Hà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 271 | Trịnh Ngọc Kiều Duyên | 22/01/2002 | Nữ | Kinh | 0968378175 | Xã Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 272 | Võ Minh Thư | 05/01/2000 | Nam | Kinh | 0359073586 | Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | Cử nhân, ThS | Sư phạm Toán | | | THPT Ba Tơ | THCS và THPT Phó Mục Gia | Toán học | |
| 273 | Huỳnh Thị Mỹ Hà | 08/02/1999 | Nữ | Kinh | 0393291553 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 274 | Đinh Thị Nhung | 07/07/2002 | Nữ | Hre | 0328776148 | Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục QPAN | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Phạm Kiệt | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 275 | Trần Hoàng Hải | 12/11/1999 | Nam | Kinh | 0329359411 | Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 276 | Phạm Nguyễn Kim Thi | 09/11/1997 | Nữ | Kinh | 0364366832 | Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 277 | Châu Vân Anh | 20/11/2003 | Nữ | Kinh | 0948781877 | Xã Trường Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Quang Trung | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 278 | Nguyễn Thị Hà An | 30/01/2003 | Nữ | Kinh | 0849991359 | Phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | PTDTNT THPT Măng Đen | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | Hóa học | |
| 279 | Nguyễn Đình Đăng | 10/12/2003 | Nam | Kinh | 0397188535 | Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 280 | Phạm Thị Tường Vi | 16/04/1996 | Nữ | Kinh | 0374954740 | Xã Vệ Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 281 | Phạm Đoàn Kiều Ngoan | 24/06/2002 | Nữ | Kinh | 0986526875 | Xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THPT Tây Trà | PTDTNT THPT Măng Đen | Hóa học | |
| 282 | Trần Thị Kim Lệ | 25/04/1995 | Nữ | Kinh | 0962419569 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Tin học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Sơn Hà | Tin học | |
| 283 | Phạm Duy Ân | 14/01/1996 | Nam | Kinh | 0378256102 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | HTNVQS | PTDTNT THPT Ia Tơi | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 284 | Kiều Mỹ Thoa | 23/05/2001 | Nữ | Kinh | 0338169756 | Xã Hoài Ân, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THPT Tây Trà | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 285 | Nguyễn Huỳnh Thảo Ngân | 29/08/2001 | Nữ | Kinh | 0334454483 | Xã Vạn Đức, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Đức Phổ | Ngữ văn | |
| 286 | Lê Thị Ngọc Xinh | 07/07/1999 | Nữ | Kinh | 0375804496 | Xã Thăng Điền, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 287 | Đoàn Thị Thanh Trúc | 12/01/2003 | Nữ | Kinh | 0985933834 | Xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THCS và THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 288 | Trần Thị Diễm | 20/06/1995 | Nữ | Kinh | 0977153275 | Xã Long Phụng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THPT Phạm Kiệt | THPT số 2 Đức Phổ | Lịch sử | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 289 | Nguyễn Thị Phương Thùy | 28/02/1991 | Nữ | Kinh | 0358975521 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | CTB (hưởng chính sách như TB) | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 290 | Võ Văn Tú | 10/11/1993 | Nam | Kinh | 0975498837 | Xã Phú Thuận, TP Đà Nẵng | Cử nhân, ThS | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Nguyễn Trãi | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 291 | Nguyễn Thị Mai | 28/09/1991 | Nữ | Kinh | 0333293968 | Xã Đăk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | THPT Nguyễn Trãi | Ngữ văn | |
| 292 | Trần Yến Trang | 01/06/1992 | Nữ | Kinh | 0969839106 | Xã Đăk Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Nguyễn Trãi | x | Ngữ văn | |
| 293 | Nguyễn Thị Thu Bình | 15/06/1997 | Nữ | Kinh | 0377991501 | Xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân, ThS | Sư phạm Sinh học | | | THPT Quang Trung | THPT Đinh Tiên Hoàng | Sinh học | |
| 294 | Nguyễn Thị Vy | 25/06/1997 | Nữ | Kinh | 0862179480 | Xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 295 | Võ Thị Tú Uyên | 22/01/2001 | Nữ | Kinh | 0965298046 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 296 | Trần Thị Kim Liên | 20/08/1993 | Nữ | Kinh | 0377738929 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 297 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 14/05/1987 | Nữ | Kinh | 0931139128 | Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | x | Âm nhạc | |
| 298 | Phạm Thị Biên | 10/01/1995 | Nữ | Hre | 0968879127 | Xã Ba Động, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | DTTS | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 299 | Nguyễn Viết Ân | 12/10/2003 | Nam | Kinh | 0961853658 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Toán học | |
| 300 | Phạm Thị Hương Quỳnh | 08/06/1999 | Nữ | Kinh | 0935284282 | Xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | PTDTNT THPT Măng Đen | Hóa học | |
| 301 | Phan Văn Ý | 22/12/1995 | Nam | Kinh | 0799386612 | Xã Thăng Điền, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Địa lý | | HTNVQS | THPT Trà Bồng | TT GDNN-GDTX Kon Plông (TT GDNN-GDTX khu vực Kon Plông) | Địa lí | |
| 302 | Nguyễn Tú Việt | 19/09/1995 | Nam | Kinh | 0389999002 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 303 | Nguyễn Duy Khang | 30/01/2000 | Nam | Kinh | 0966956825 | Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Quang Trung | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 304 | Nguyễn Đức Linh | 20/03/1989 | Nam | Kinh | 0904980539 | Xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 305 | Trương Như | 06/08/1995 | Nam | Kinh | 0964403286 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 306 | Nguyễn Văn Trị | 21/07/2001 | Nam | Kinh | 0384823156 | Xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Huấn luyện thể thao | Chứng chỉ NVSP | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 307 | Lưu Thành Đạt | 22/04/2001 | Nam | Kinh | 0329695935 | Xã Duy Xuyên, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Địa lý | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Địa lí | |
| 308 | Vũ Thị Hồng Lan | 06/08/1997 | Nữ | Kinh | 0356343025 | Xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 309 | Lâm Thúy Hậu | 02/04/2002 | Nữ | Kinh | 0338374939 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 310 | Nguyễn Trần Hồng Vân | 27/10/2003 | Nữ | Kinh | 0772098407 | Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 311 | Bạch Thị Thông Thạo | 06/01/1996 | Nữ | Kinh | 0986200277 | Xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Phạm Kiệt | PTDTNT THPT Măng Đen | Toán học | |
| 312 | Đinh Thị Hằng | 07/05/1997 | Nữ | Hre | 0976266308 | Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 313 | Đinh Thị Y Khuy | 29/06/1996 | Nữ | Hre | 0961990394 | Xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 314 | Nguyễn Thị Hương | 20/09/1994 | Nữ | Kinh | 0969274954 | Xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 315 | Đinh Thị Hồng Viên | 03/02/1998 | Nữ | Hre | 0971854192 | Xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 316 | Lê Duy Nhật | 02/02/1987 | Nam | Kinh | 0988978608 | Xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm TDTT | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 317 | Tạ Thị Bích Phượng | 18/11/1995 | Nữ | Kinh | 0985545476 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THCS và THPT Phó Mục Gia | Toán học | |
| 318 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 08/08/1999 | Nữ | Kinh | 0964437959 | Xã Trường Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 319 | Trần Thị Tiên | 02/08/2002 | Nữ | Kinh | 033264055 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 320 | Nguyễn Đào Hữu Toàn | 27/02/1997 | Nam | Kinh | 0326406170 | Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | x | Hóa học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 321 | Ngô Thị Hằng | 20/06/1998 | Nữ | Kinh | 0767458418 | Xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | Âm nhạc | |
| 322 | Trần Hạnh Nguyên | 31/07/2003 | Nữ | Kinh | 0769424679 | Phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 323 | Đỗ Thị Thu Diệu | 20/02/1994 | Nữ | Kinh | 0796798084 | Phường Trà Câu, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 324 | YaLy Hoa | 18/09/1996 | Nữ | Bahnar | 0337234054 | Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | | DTTS (có GKS) | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Địa lí | |
| 325 | Lê Thị Như Ngọc | 04/09/1998 | Nữ | Kinh | 0334573169 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 326 | Đinh Văn Hủy | 10/05/1985 | Nam | Kinh | 0339282884 | Xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | DTTS | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 327 | Phạm Thị Thập | 06/09/1993 | Nữ | Hre | 0374135519 | Xã Sơn Thủy, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 328 | Đinh Thị Oanh | 12/10/1994 | Nữ | Hre | 0965836784 | Xã Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 329 | Huỳnh Thị Thu Hào | 19/12/1995 | Nữ | Kinh | 0934367745 | Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | CTB | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 330 | Nguyễn Thị Ánh Huyền | 10/10/1988 | Nữ | Kinh | 0933948697 | Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán | | | THPT Tây Trà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Toán học | |
| 331 | Lê Kim Phụng | 16/11/1996 | Nữ | Kinh | 0977431401 | Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Địa lý | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Địa lí | |
| 332 | Trần Văn Xuân | 21/02/1993 | Nam | Kinh | 0964900715 | Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Địa lý | | | THPT Phạm Kiệt | TT GDNN-GDTX Kon Plông (TT GDNN-GDTX khu vực Kon Plông) | Địa lí | |
| 333 | Dương Thị Tú | 03/06/1994 | Nữ | Kinh | 0706075796 | Xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục chính trị | | CTB | THCS và THPT Vạn Tường | THPT Trà Bồng | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 334 | Bùi Thị Bích Phương | 19/04/1993 | Nữ | Kinh | 0962805912 | Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 335 | Phan Thị Linh | 07/04/2002 | Nữ | Kinh | 0327742563 | Xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 336 | Nguyễn Trần Thủy Tiên | 17/09/2001 | Nữ | Kinh | 0383814048 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 337 | Trần Lê Minh Hiếu | 23/4/1995 | Nam | Kinh | 03844118019 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 338 | Võ Thanh Việt | 03/04/1998 | Nữ | Kinh | 0349838191 | Xã Sơn Thủy, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 339 | Bạch Thị Thu Hà | 10/04/1999 | Nữ | Kinh | 0372003089 | Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Minh Long | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 340 | Đinh Y Huyên | 23/10/2001 | Nữ | Hre | 0914784500 | Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Tiếng Anh | |
| 341 | Trương Thị Bích Tuyền | 18/06/2003 | Nữ | Kinh | 0899431225 | Xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Đinh Tiên Hoàng | Toán học | |
| 342 | Ngô Quỳnh Trâm | 09/11/2003 | Nữ | Kinh | 09687981201 | Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 343 | Nguyễn Hoàng Anh Phương | 01/01/2003 | Nữ | Kinh | 0336647497 | Xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Phạm Kiệt | THPT Ba Tơ | Tiếng Anh | |
| 344 | Nguyễn Thị Ánh Phương | 25/09/1999 | Nữ | Kinh | 0338280671 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 345 | Đồng Trinh Trinh | 09/06/2001 | Nữ | Kinh | 0397159462 | Xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 346 | Đặng Thị Mai Uyên | 25/05/2000 | Nữ | Kinh | 0348708906 | Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 347 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 19/08/1998 | Nữ | Kinh | 0376863239 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Minh Long | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 348 | Lê Thị Trúc | 24/08/2003 | Nữ | Kinh | 0399110641 | Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 349 | Hồ Thị Duyên | 17/05/1997 | Nữ | Co | 0862393617 | Xã Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 350 | Đặng Thị Thùy Dung | 28/11/1994 | Nữ | Kinh | 0795678329 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 351 | Nguyễn Xuân Duy | 18/03/2003 | Nam | Kinh | 0378997597 | Xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 352 | Nguyễn Thị Hà Trang | 01/10/1996 | Nữ | Kinh | 0378065449 | Xã Trà Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 353 | Bùi Thị Thanh Nga | 05/02/2002 | Nữ | Kinh | 0346460364 | Xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Sơn Hà | Toán học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 354 | Y Hà | 08/11/2003 | Nữ | Gia Rai | 0869377517 | Xã Mô Rai, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Công dân | | DTTS (chưa có GXN) | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | x | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 355 | Đinh Thị Kim Yến | 25/10/2002 | Nữ | Hre | 0382285782 | Xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 356 | Hồ Thị Lý | 30/04/2002 | Nữ | Co | 0353710231 | Xã Thanh Bồng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 357 | Trần Thị Quý Hà | 13/10/2000 | Nữ | Kinh | 0703365047 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 358 | Lê Thị Nga | 24/01/1996 | Nữ | Kinh | 0362201258 | Xã Tây Hồ, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 359 | Nguyễn Thị Cẩm Thạch | 13/06/2000 | Nữ | Kinh | 0396955208 | Xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 360 | Phan Thị Tường Vy | 19/05/1999 | Nữ | Kinh | 0868421659 | Phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 361 | Đoàn Thị Thu Hiền | 29/05/1996 | Nữ | Kinh | 0396764023 | Hoài Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 362 | Trương Nguyễn Như Huyền | 28/02/2003 | Nữ | Kinh | 0364951327 | Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Tây Trà | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 363 | Đinh Thị Bích Lệ | 14/05/1999 | Nữ | Kinh | 0968662916 | Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Phạm Kiệt | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 364 | Đinh Hàn Tiểu Vi | 16/9/2003 | Nữ | Kinh | 0793207247 | Phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 365 | Đinh Thị Trinh | 17/07/2002 | Nữ | Hre | 0358016377 | Xã An Lão, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |
| 366 | Phạm Công Trình | 17/04/1993 | Nam | Kinh | 0962086752 | Xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 367 | Võ Thị Thu Hoàng | 17/03/1992 | Nữ | Kinh | 0346406346 | Xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 368 | Phạm Thị Thủy | 07/11/1998 | Nữ | Hre | 0349154947 | Xã Ba Dinh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | DTTS (chưa có GXN) | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 369 | Võ Tấn Quý | 03/03/1993 | Nam | Kinh | 0389902865 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | Sĩ quan dự bị | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 370 | Nguyễn Thị Thông | 10/10/1996 | Nữ | Kinh | 0968647737 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 371 | Trần Thị Như Quỳnh | 14/07/1999 | Nữ | Kinh | 0338392001 | Phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 372 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | 08/07/1990 | Nữ | Kinh | 0985227801 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử | | | THCS và THPT Vạn Tường | THPT Tây Trà | Lịch sử | |
| 373 | Nguyễn Thị Tình | 01/10/1993 | Nữ | Kinh | 0388489930 | Xã Trường Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 374 | Bùi Thị Mỹ Hạnh | 16/11/1997 | Nữ | Kinh | 0966642680 | Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 375 | Võ Thị Kim Tuyền | 18/03/1996 | Nữ | Kinh | 0336632400 | Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Quang Trung | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 376 | Y Lái | 01/06/1995 | Nữ | Triêng | 0869296526 | Xã Dục Nông, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Sinh học | | DTTS | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | x | Sinh học | |
| 377 | Nguyễn Kiên | 26/02/2002 | Nam | Kinh | 0909069703 | Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 378 | B Lúp Cường | 29/12/1999 | Nam | Cơ tu | 0367711124 | Nam Giang, TP Đà Nẵng | Cử nhân | Giáo dục chính trị | | DTTS, NVQS | THPT Ba Tơ | THPT Quang Trung | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 379 | Nguyễn Thanh Bão | 28/10/1995 | Nam | Kinh | 0981092439 | Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục QPAN | | NVQS | THPT Phạm Kiệt | THPT Phan Đình Phùng | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 380 | Bạch Văn Nhiều | 01/10/1989 | Nam | Kinh | 0935095828 | Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | Sĩ quan dự bị, NVQS | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 381 | Huỳnh Quang Đình | 15/10/2001 | Nam | Kinh | 0896221176 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Huấn luyện thể thao | Chứng chỉ NVSP | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 382 | Nguyễn Lệ Duyên | 26/09/2002 | Nữ | Kinh | 0926828629 | Xã An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 383 | Phạm Thị Thuyền | 01/02/1989 | Nữ | Kinh | 0961289958 | Xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 384 | Nguyễn Thị Diễm My | 06/09/2002 | Nữ | Kinh | 0362441601 | Xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Phạm Kiệt | Tiếng Anh | |
| 385 | Trương Thị Thùy Trang | 02/03/1996 | Nữ | Kinh | 0983122636 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoàng | Ngữ văn | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 386 | Nguyễn Thị Thới Xương | 11/10/1996 | Nữ | Kinh | 0356506710 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THPT Phạm Kiệt | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 387 | Nguyễn Ngọc Đại | 05/01/1997 | Nam | Kinh | 0963708270 | Xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 388 | Thới Thị Thịnh | 14/04/1996 | Nữ | Kinh | 0383466381 | Xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Sinh học | | | THPT Quang Trung | THPT Đinh Tiên Hoàng | Sinh học | |
| 389 | Nguyễn Thị Quỳnh Nương | 18/09/2003 | Nữ | Kinh | 0796678808 | Xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 390 | Hoàng Thị Lệ Viên | 25/10/1998 | Nữ | Kinh | 0333911954 | Xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THPT Minh Long | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 391 | Nguyễn Thị Thanh Loan | 22/12/1992 | Nữ | Kinh | 0931969526 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 392 | Nguyễn Thị Thu | 20/04/1997 | Nữ | Kinh | 0988766731 | Phường An Khê, TP Đà Nẵng | Cử nhân, ThS | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 393 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 14/08/2003 | Nữ | Kinh | 0965006476 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Công dân | | | THPT Sơn Mỹ | THPT Quang Trung | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 394 | Nguyễn Hữu Thành | 01/11/1999 | Nam | Kinh | 0934970639 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Hóa học | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 395 | Huỳnh Văn Tiên | 27/07/1997 | Nam | Kinh | 0346578975 | Xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân, ThS | Sư phạm Toán học | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 396 | Nguyễn Văn Dương | 02/07/1991 | Nam | Kinh | 0327637691 | Xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Giáo dục Thể chất | | HTNVQS | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 397 | Huỳnh Phương Thảo | 02/01/1994 | Nữ | Kinh | 0976509280 | Xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 398 | Trần Thị Trà Giang | 04/11/2002 | Nữ | Kinh | 0326949936 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Đức Phổ | Ngữ văn | |
| 399 | Trịnh Thị Ngọc Hương | 03/11/1993 | Nữ | Kinh | 0367721531 | Xã Long Phụng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Toán | | | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 400 | Võ Thị Thúy An | 27/09/1992 | Nữ | Kinh | 0344627972 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Công nghệ thông tin | Chứng chỉ NVSP | Con TB | THPT Trà Bồng | THPT Sơn Hà | Tin học | |
| 401 | Nguyễn Quốc Cường | 17/01/1997 | Nam | Kinh | 0373689114 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 402 | Ngô Thị Ngọc Bích | 07/04/1996 | Nữ | Kinh | 0969122074 | Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | x | Ngữ văn | |
| 403 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 14/06/1996 | Nữ | Kinh | 0384786069 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 404 | Từ Thị Ánh Thùy | 06/01/1999 | Nữ | Kinh | 0388998046 | Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Ngôn ngữ Anh | Chứng chỉ NVSP | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 405 | Phan Trọng Anh | 22/06/2003 | Nam | Kinh | 0905007976 | Xã Đăk Tô, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm tiếng Anh | | | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | THPT Trần Phú | Tiếng Anh | |
| 406 | Đinh Nhật Trường | 17/10/1990 | Nam | Kinh | 0966391357 | Trà Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC (Bóng Chuyền) | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 407 | Võ Thị Duyên | 17/03/2003 | Nữ | Kinh | 0333786939 | Thiện Tín, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 408 | Trần Thúy An | 31/05/2001 | Nữ | Kinh | 0962575427 | Long Phụng, Quảng Ngãi | Cử nhân Lịch sử | Lịch sử | | | THPT Lê Trung Đình | THPT số 2 Đức Phổ | Lịch sử | |
| 409 | Y Trang | 17/03/2002 | Nữ | Ba Na | 0398075460 | Trà My, Đà Nẵng | Cử nhân GDCT | KT & PL | | DTTS | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | x | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 410 | Đinh Thị Uyên | 20/08/2002 | Nữ | Hre | 0961292012 | Sơn Hạ, Quảng Ngãi | Cử nhân GDQP AN | GDQP AN | | DTTS | THPT Sơn Hà | THPT Phạm Kiệt | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 411 | Hồ Thị Bảy | 12/09/2003 | Nữ | Gié-Triêng | 0382310743 | Phước Chánh, Đà Nẵng | Cử nhân GDQP AN | GDQP AN | | DTTS | THPT Trần Phú | x | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 412 | Nguyễn Thị Như Ý | 09/11/2003 | Nữ | Kinh | 0346090200 | Đăk Tô, Quảng Ngãi | Cử nhân GDQP AN | GDQP AN | | | PTDTNT THPT Đăk Tô | THPT Phạm Kiệt | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 413 | Bùi Quang Tuấn | 01/05/2003 | Nam | Kinh | 0979504365 | Đức Phổ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán học | Toán | | | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 414 | Hoàng Thị Phụng | 01/11/2001 | Nữ | Kinh | 0865390437 | Trần Phú, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | x | Tiếng Anh | |
| 415 | Võ Thị Nhật Hạ | 19/04/2001 | Nữ | Kinh | 0338501064 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 416 | Nguyễn Thị Thanh Đồng | 28/06/2003 | Nữ | Kinh | 0947837241 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán học | Toán | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 417 | Ngô Trần Tuấn Duy | 28/08/2002 | Nam | Kinh | 0702727259 | Lân Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC (Bóng đá) | GDTC | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 418 | Bùi Ngọc Minh Châu | 10/12/2003 | Nữ | Kinh | 0354275875 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ văn | Ngữ văn | | | THPT Nguyễn Trãi | THPT Trần Phú | Ngữ văn | |
| 419 | Tạ Lê Lan Hương | 01/11/1994 | Nữ | Kinh | 0366201359 | Sa Huỳnh, Quảng Ngãi | Cử nhân Toán, Thạc sĩ Toán | Toán | | | THPT Ba Tơ | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Toán học | |
| 420 | Đinh Văn Thi | 28/04/2003 | Nam | Hre | 0987677480 | Sơn Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | DTTS | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Đinh Tiên Hoang | Toán học | |
| 421 | Nguyễn Thị Mộng | 03/10/1995 | Nữ | Kinh | 0969655916 | Phú Vang, TP Huế | Cử nhân SP Lịch sử | Lịch Sử | | | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | THPT Tây Trà | Lịch sử | |
| 422 | Đặng Trọng Đức | 10/02/2001 | Nam | Kinh | 0344969335 | Xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 423 | Nguyễn Hương Giang | 26/04/2002 | Nữ | Kinh | 0961359421 | Trà Liên, Đà Nẵng | Cử nhân SP Địa lý | Địa lý | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Địa lí | |
| 424 | Y Oanh | 18/04/2003 | Nữ | Ba Na | 0706200254 | Đăk Rơ Wa, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Âm nhạc | Âm nhạc | | DTTS | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |
| 425 | Phạm Thị Mai | 15/11/2003 | Nữ | Kinh | 0333676598 | Đăk Pek, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ văn | Ngữ văn | | | THPT Trần Phú | THPT Nguyễn Trãi | Ngữ văn | |
| 426 | Nguyễn Thanh Nhật | 27/11/2003 | Nam | Kinh | 0332023871 | Khánh Cường, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ văn | Ngữ văn | | | THPT số 2 Đức Phổ | THPT số 1 Tư Nghĩa | Ngữ văn | |
| 427 | Nguyễn Võ Thùy Dung | 30/04/2003 | Nữ | Kinh | 0985430499 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 428 | Lê Thị Duyên | 12/04/1995 | Nữ | Kinh | 0964833245 | Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 429 | Lê Nữ Thuy Hân | 06/06/2002 | Nữ | Kinh | 0332381165 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân Huấn luyện GDTC | Bóng đá | | | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | THPT Ba Tơ | Giáo dục thể chất | |
| 430 | Võ Thị Lài | 20/11/1999 | Nữ | Kinh | 0387512284 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán, Thạc sĩ Toán | Toán | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 431 | Lê Thị Ngọc Loan | 29/05/1998 | Nữ | Kinh | 0383124555 | Xã Bình Chương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 432 | Lê Thị Hồng Mận | 01/02/1991 | Nữ | Kinh | 0907531178 | Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | Cử nhân ĐH Thiết kế thời trang | Thiết kế thời trang | | | PTDTNT THPT tỉnh | x | Mỹ thuật | |
| 433 | Huỳnh Hữu Nghĩa | 07/11/2000 | Nam | Kinh | 0965841504 | Xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 434 | Lê Thị Hoàng Yến | 20/03/1986 | Nữ | Kinh | 0905904904 | Long Phụng, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Minh Long | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Tiếng Anh | |
| 435 | Trần Thị Thu Hà | 10/06/1995 | Nữ | Kinh | 0374958034 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 436 | Lê Thị Kim Ly | 21/08/2003 | Nữ | Kinh | 0394085312 | Măng Đen, Quảng Ngãi | Cử nhân SP GDCD | GDCD | | | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | THPT Ba Tơ | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 437 | Dương Thị Trinh | 12/07/2022 | Nữ | Kinh | 0339830702 | Đặc khu Lý Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Ba Tơ | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Toán học | |
| 438 | Bùi Minh Phúc | 02/02/1986 | Nam | Kinh | 0906538239 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân CNTT | CNTT | | | THPT Sơn Hà | x | Tin học | |
| 439 | Võ Nguyễn Việt | 26/08/1994 | Nam | Kinh | 0967165556 | Sơn Hạ, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 440 | Nguyễn Thị Xuân Mơ | 15/12/1993 | Nữ | Kinh | 0962579107 | Vạn Tường, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa học | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Hóa học | |
| 441 | Đặng Văn Đức | 11/02/2003 | Nam | Kinh | 0327750177 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Trần Phú | PTDTNT THPT Đăk Glei | Tiếng Anh | |
| 442 | Võ Thị Ngọc My | 14/11/2002 | Nữ | Kinh | 0376145749 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Mĩ thuật | Mĩ Thuật | | | PTDTNT THPT tỉnh | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | Mỹ thuật | |
| 443 | Bùi Thị Thúy Hạ | 05/10/2000 | Nữ | Kinh | 0961313517 | Trấn Biên, Đồng Nai | Cử nhân NN Anh, Thạc sĩ NN Anh | Ngôn ngữ anh | | | THPT Phạm Kiệt | x | Tiếng Anh | |
| 444 | Trịnh Văn Dương | 06/05/1994 | Nam | Kinh | 0336568619 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | Âm nhạc | |
| 445 | Y Un Diễm | 12/11/2000 | Nữ | Triêng | 0971040226 | Tu Mơ Rông, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | DTTS | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | PTDTNT THPT Đăk Glei | Tiếng Anh | |
| 446 | Y Ngọc Quỳnh | 24/09/2003 | Nữ | Triêng | 0867415973 | Dục Nông, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Địa lý | Địa lý | | DTTS | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Địa lí | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 447 | Trần Phương Du | 21/07/2003 | Nữ | Kinh | 0911747420 | Kim Trà, TP Huế | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Đức Phổ | Ngữ văn | |
| 448 | Nguyễn Thị Kim Trang | 17/01/1994 | Nữ | Kinh | 0977706229 | Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 449 | Nguyễn Thị Việt Hằng | 26/08/1990 | Nữ | Kinh | 0905916228 | Đức Phổ, Quảng Ngãi | Cử nhân Hóa học | Hóa vô cơ | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 450 | Nguyễn Thị Lê | 08/10/1995 | Nữ | Kinh | 0931991593 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Mỹ Thuật | Mĩ Thuật | | | THPT số 2 Mộ Đức (nay THPT Mộ Đức) | PTDTNT THPT tỉnh | Mỹ thuật | |
| 451 | Y Hà | 30/09/2003 | Nữ | Xơ-Đăng | 0382590976 | Đăk Tô, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Địa lý | Địa lý | | DTTS | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Địa lí | |
| 452 | Nguyễn Thanh Ngân | 18/01/2001 | Nữ | Kinh | 0358456946 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Quang Trung | Tiếng Anh | |
| 453 | Y Nuy | 13/01/2002 | Nữ | Ba Na | 0866891476 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | DTTS | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông | x | Tiếng Anh | |
| 454 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 10/02/1992 | Nữ | Kinh | 0935828907 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ Văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 455 | Nguyễn Công Minh | 05/05/1998 | Nam | Kinh | 0384887676 | Thọ Phong, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học, Thạc sĩ | Hóa học | | | THPT Tây Trà | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 456 | Lê Phú Lộc | 03/01/1998 | Nữ | Kinh | 0976698113 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân Ngôn ngữ anh | Ngôn ngữ anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 457 | Lê Thị Hà | 16/07/1995 | Nữ | Kinh | 0383816800 | Xã Bình Chương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa học | | | THPT Tây Trà | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 458 | Huỳnh Lê Như Quỳnh | 19/11/1999 | Nữ | Kinh | 0968918076 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ Văn | | | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 459 | A Hưng | 06/01/1998 | Nam | Gie Triêng | 0342751575 | Thới An, TPHCM | Cử nhân GDTC | GDTC | | DTTS, con TB | PTDTNT THPT Đăk Glei | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 460 | Huỳnh Minh Vũ | 22/07/1997 | Nam | Kinh | 0384241155 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân GDQP AN | GDQP AN | | | THPT Lê Trung Đình | PTDTNT THPT Đăk Tô | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | |
| 461 | Lê Quang Trung | 16/04/1997 | Nam | Kinh | 0363919214 | Đăk Mar, Quảng Ngãi | Cử nhân HLTT | HLTT | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 462 | Phạm Thị Trang Nhã | 25/10/2003 | Nữ | Kinh | 0345786702 | Khánh Cường, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Phạm Kiệt | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 463 | Nguyễn Thị Bích Trinh | 20/07/1994 | Nữ | Kinh | 0966946521 | Đức Phổ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Ba Tơ | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ (nay TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ-Đức Phổ) | Toán học | |
| 464 | Nguyễn Thùy Tiên | 30/10/2002 | Nữ | Kinh | 0375573902 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 465 | Đinh Văn Suối | 12/12/2003 | Nam | Hre | 0382774829 | Sơn Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ văn | Ngữ văn | | DTTS | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Nguyễn Trãi | Ngữ văn | |
| 466 | Phạm Thị Ly | 18/01/1998 | Nữ | Hre | 0337683629 | Xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Lịch sử | Lịch sử | | DTTS | THPT Phạm Kiệt | THPT số 2 Đức Phổ | Lịch sử | |
| 467 | Nguyễn Thị Mai Quỳnh | 10/04/2003 | Nữ | Kinh | 0384650181 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Trà Bồng | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 468 | Lê Thi Dung | 01/01/1991 | Nữ | Kinh | 0769976110 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 469 | Đào Thị Phượng | 13/9/1996 | Nữ | Kinh | 0358251323 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa học | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | PTDTNT THPT Măng Đen | Hóa học | |
| 470 | Võ Thị Kiều Huy | 16/09/1996 | Nữ | Kinh | 0987820701 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoang | Ngữ văn | |
| 471 | Đặng Thị Hải Yến | 14/06/1996 | Nữ | Kinh | 0362532153 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT Đinh Tiên Hoang | Ngữ văn | |
| 472 | Nguyễn Thị Kim Oanh | 10/06/1995 | Nữ | Kinh | 0983449127 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 473 | Võ Thị Linh Tâm | 10/07/1996 | Nữ | Kinh | 0336705932 | Xã Bình Chương, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 474 | Lâm Thị Thùy Nhi | 19/01/1998 | Nữ | Kinh | 0383692200 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa học | | | PTDTNT THPT Măng Đen | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | Hóa học | |
| 475 | Phạm Công Vinh | 14/06/1996 | Nam | Kinh | 0398507261 | Xã Bình An, tỉnh Gia Lai | Cử nhân SP Toán | Toán | | | PTDTNT THPT Măng Đen | PTDTNT THPT Ia Tơi | Toán học | |
| 476 | Nguyễn Thị Hòa | 09/06/1997 | Nữ | Kinh | 0355395323 | Đăk Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | PTDTNT THPT Măng Đen | THPT Ba Tơ | Toán học | |
| 477 | Mai Trung Hiếu | 20/07/1998 | Nam | Kinh | 0975721214 | Đăk Pek, Quảng Ngãi | Cử nhân NN Anh | Ngôn ngữ anh | | | THPT Trần Phú | PTDTNT THPT Đăk Glei | Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 478 | Lê Mỹ Duyên | 28/11/2003 | Nữ | Kinh | 0823047026 | Sa Thầy, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 479 | Lê Ngọc Viên | 29/01/2000 | Nam | Kinh | 0338372607 | Thiện Tín, Quảng Ngãi | Thạc sĩ Toán, Cử nhân Toán | Toán | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 480 | Phan Bá Hoàn | 21/05/1993 | Nam | Kinh | 0976938733 | Đăk Pek, Quảng Ngãi | Cử nhân SP TC GDQP | SPTC_GDQP | | | PTDTNT THPT Đăk Glei | THPT Ba Tơ | Giáo dục thể chất | |
| 481 | Nguyễn Lê Quỳnh Như | 11/03/2002 | Nữ | Kinh | 0935241103 | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Phạm Kiệt | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 482 | Trương Thị Ánh Hiền | 18/09/2002 | Nữ | Kinh | 0972090093 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Tây Trà | Toán học | |
| 483 | Phạm Anh Tú | 10/04/1992 | Nam | Kinh | 0941100492 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 484 | Lê Thị Kim Hằng | 03/04/1997 | Nữ | Kinh | 0965453061 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 485 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 08/10/1996 | Nữ | Kinh | 0336918870 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THCS và THPT Phó Mục Gia | THPT Sơn Hà | Toán học | |
| 486 | Đỗ Khắc Luật | 01/03/1990 | Nam | Kinh | 0327979639 | Đông Trà Bồng, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | HTNVQS | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 487 | Lê Văn Việt | 20/08/1989 | Nam | Kinh | 0352837232 | Trà Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Âm nhạc | Âm nhạc | | HTNVQS | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 488 | Doãn Thị Hà Ngọc | 14/02/2003 | Nữ | Kinh | 0949302608 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 489 | Trần Thị Như Ý | 10/05/1999 | Nữ | Kinh | 0934992687 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 490 | Nguyễn Thị Tâm | 04/10/1996 | Nữ | Kinh | 0374771705 | Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa | | | THCS và THPT Phạm Kiệt | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 491 | Lê Thị Huyền Trang | 10/03/1991 | Nữ | Kinh | 0395313210 | Vệ Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Tây Trà | THCS và THPT Phạm Kiệt | Toán học | |
| 492 | Lê Văn Hùng | 18/08/1989 | Nam | Kinh | 0984790939 | Thiện Tín, Quảng Ngãi | Cử nhân HLTT | HLTT | | Con TB | THPT Ba Tơ | PTDTNT THPT Đăk Glei | Giáo dục thể chất | |
| 493 | Nguyễn Thị Mỹ Hằng | 20/03/2002 | Nữ | Kinh | 0943375267 | Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT Trà Bồng | Tiếng Anh | |
| 494 | Bùi Tá Việt Quốc | 06/02/2000 | Nam | Kinh | 0862060200 | Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | HTNVQS | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 495 | Ngô Thị Hiền | 02/02/1994 | Nữ | Kinh | 0979865047 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 496 | Văn Phú Hùng | 15/05/1995 | Nam | Kinh | 0344207606 | Tam Xuân, Đà Nẵng | Cử nhân GDTC | GDTC | | | PTDTNT THPT Đăk Glei | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 497 | Nguyễn Thị Nhã Hòa | 26/01/1998 | Nữ | Kinh | 0974756793 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ Văn | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 498 | Nguyễn Bùi Hạ Bách | 19/09/1999 | Nam | Kinh | 0382212288 | Đình Cương, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ Văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Phan Đình Phùng | Ngữ văn | |
| 499 | Phạm Thị Ngọc Chi | 20/10/1994 | Nữ | Kinh | 0899217043 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ Văn | | | THPT Sơn Hà | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 500 | Phạm Xuân Tấn | 15/08/1993 | Nam | Kinh | 0387367306 | Đông Sơn, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 501 | Trần Thị Lành | 08/11/1994 | Nữ | Kinh | 0898187720 | Hóa Châu, TP Huế | Cử nhân SP Lịch Sử | Lịch sử | | | THPT Phan Đình Phùng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Lịch sử | |
| 502 | Nguyễn Thị Nguyệt | 01/01/1992 | Nữ | Kinh | 0905084760 | Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Quang Trung | THPT Sơn Hà | Tiếng Anh | |
| 503 | Bùi Vy Nhân | 16/08/1990 | Nữ | Kinh | 0946326715 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 504 | Võ Thị Kiều Hương | 20/05/1996 | Nữ | Kinh | 0374911589 | Trường Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân | Sư phạm Âm nhạc | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THCS và THPT Phó Mục Gia | Âm nhạc | |
| 505 | Phạm Thùy Trang | 05/09/1995 | Nữ | Kinh | 0384952820 | Tịnh Khê, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa | | | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | x | Hóa học | |
| 506 | Đinh Xuân Thiện | 02/10/1999 | Nam | Kinh | 0354754470 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Thạc sĩ HLT, Cử nhân SP Hóa học | Hóa | | | PTDTNT THPT Măng Đen | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức (TT GDTX Quảng Ngãi) | Hóa học | |
| 507 | Phạm Thị Thanh Phố | 14/9/1993 | Nữ | Kinh | 0971512372 | Mỏ Cày, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Ba Tơ | x | Toán học | |
| 508 | Nguyễn Lương Thùy Linh | 19/08/2003 | Nữ | Kinh | 0914928070 | Cẩm Thành, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT Quang Trung | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 509 | Nguyễn Thị Ngạc | 20/09/1994 | Nữ | Kinh | 0962630160 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Lịch sử | Lịch sử | | | THCS và THPT Vạn Tường | THPT Tây Trà | Lịch sử | |
| 510 | Bùi Văn Vin | 01/01/1998 | Nam | Kinh | 0375897515 | Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 511 | Lê Văn Có | 30/03/2000 | Nam | Kinh | 0348951342 | Hòa Khánh, Đà Nẵng | Cử nhân SP Toán | Toán | | | THPT Đinh Tiên Hoàng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Toán học | |
| 512 | Hạ Thị Bích Hòa | 03/02/1996 | Nữ | Kinh | 0965946075 | Sơn Tây, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Âm nhạc | Âm nhạc | | | THPT Tây Trà | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Âm nhạc | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 513 | Huỳnh Tốt Ty | 15/06/2002 | Nam | Kinh | 0328307042 | Hoài Ân, Gia Lai | Cử nhân SP Địa Lý | Địa lý | | | THPT Phạm Kiệt | THPT Trà Bồng | Địa lí | |
| 514 | Nguyễn Ngọc Xuân Trà | 05/01/2003 | Nữ | Kinh | 0849013246 | Đăk Cấm, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Tiếng Anh | |
| 515 | Zơ Râm Ngọc Loan | 18/03/2003 | Nữ | Gie Triêng | 0386319801 | Đà Nẵng | Cử nhân SP GDCD | GDCD | | DTTS | THPT Quang Trung | THPT Trà Bồng | Giáo dục kinh tế và pháp luật | |
| 516 | Trần Thị Mỹ Duyên | 10/10/1997 | Nữ | Kinh | 0777120678 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT số 2 Đức Phổ | Ngữ văn | |
| 517 | Nguyễn Lương Thi | 14/01/1999 | Nữ | Kinh | 0366932074 | Trà Bồng, Quảng Ngãi | Cử nhân NN Anh | Ngôn ngữ anh | | | THPT Trà Bồng | THCS và THPT Phó Mục Gia | Tiếng Anh | |
| 518 | Nguyễn Hoàng Vinh | 01/09/1997 | Nam | Kinh | 0397652392 | Mỏ Cày, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |
| 519 | Võ Thị Hồng Nhung | 10/12/1997 | Nữ | Kinh | 0389011132 | Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Hóa học | Hóa | | | TT GDNN-GDTX Đăk Tô (nay TT GDNN-GDTX khu vực Đăk Hà) | THPT Tây Trà | Hóa học | |
| 520 | Nguyễn Thị Mưu | 10/10/1991 | Nữ | Kinh | 0336938812 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | Cử nhân Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT Sơn Hà | Ngữ văn | |
| 521 | Ngô Phương Quỳnh | 12/11/2003 | Nữ | Kinh | 0396721211 | Kon Tum, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | PTDTNT THPT Ia Tơi | Ngữ văn | |
| 522 | Huỳnh Thị Hiệp | 15/06/1996 | Nữ | Kinh | 0975889831 | Trà Bồng, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Địa lý | Địa lý | | | THPT Trà Bồng | THPT Phạm Kiệt | Địa lí | |
| 523 | Đinh Thanh Hùng | 02/10/1994 | Nam | Hre | 0983127264 | Sơn Hạ, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | DTTS | PTDTNT THPT Đăk Glei | x | Giáo dục thể chất | |
| 524 | Trương Vũ Bảo Uyên | 26/02/2002 | Nữ | Kinh | 0359533940 | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 525 | Võ Thị Cẩm Ly | 15/01/1995 | Nữ | Kinh | 0353150195 | Sơn Hà, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT Sơn Hà | THPT Đinh Tiên Hoang | Ngữ văn | |
| 526 | Hoàng Thị Ngọc Huỳnh | 02/10/2003 | Nữ | Kinh | 0396869255 | Thiện Tín, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Tiếng anh | Tiếng anh | | | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | THPT Minh Long | Tiếng Anh | |
| 527 | Cao Văn Khương | 03/03/1993 | Nam | Kinh | 0346676919 | Trà Giang, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | x | Giáo dục thể chất | |
| 528 | Hồ Thị Thảo Nguyên | 10/09/2003 | Nữ | Kinh | 0966931449 | Ngok Réo, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Địa lý | Địa lý | | | THCS THSP Lý Tự Trọng | x | Địa lí | |
| 529 | Nguyễn Khắc Trang | 20/11/1997 | Nam | Kinh | 0969004766 | Thiện Tín, Quảng Ngãi | Cử nhân GDTC | GDTC | | | THPT Ba Tơ | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành | Giáo dục thể chất | |

| TT | Họ và tên thí sinh | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Số điện thoại | Chỗ ở hiện nay | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ NVSP | Đối tượng ưu tiên | Nguyện vọng 1 | Nguyện vọng 2 | Mã vị trí việc làm (mã môn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 530 | Nguyễn Công Thành | 11/03/1993 | Nam | Kinh | 0983094753 | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | Cử nhân SP Ngữ Văn | Ngữ văn | | | THPT số 1 Tư Nghĩa | THPT số 2 Nghĩa Hành (nay THPT Minh Long) | Ngữ văn | |
| 531 | Phạm Văn Tùng | 11/03/2002 | Nam | Hre | 0382380210 | Xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi | Cử nhân SP Toán | Toán | | DTTS | THPT Ba Tơ | THPT Phạm Kiệt | Toán học | |